

Bản án số: 676/2024/HC-PT

Ngày: 02-7-2024

“V/v khiếu kiện quyết hành
chính, hành vi hành chính về
bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi
đất”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh

Ông Nguyễn Văn Khương

- **Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** ông Đoàn Văn Vâng – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024 tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 118/2024/TLPT-HC ngày 26 tháng 02 năm 2024, về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất*”; do Bản án hành chính sơ thẩm số 57/2023/HC-ST ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2403/2024/QĐ-PT ngày 13 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** bà Bùi Thị T, sinh năm 1978. Địa chỉ: Khu phố F, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Lê Thị Kiều M, sinh năm 1994. Địa chỉ: đường C, khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Địa chỉ: Số D, đường C, khu phố B, thị trấn D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lê Quốc T1 – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Trần Thanh H – Phó trưởng ban bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố P (có mặt).

- *Người kháng cáo:* người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để thực hiện dự án khu phức hợp du lịch sinh thái Bãi Khem tại ấp F (nay là khu phố F), thị trấn A (nay là phường A), huyện P (nay là thành phố P), tỉnh Kiên Giang (viết tắt là Dự án), ngày 27/6/2014, Ủy ban nhân dân huyện P đã ban hành Quyết định số 3215/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất 1.259,3m² của bà Bùi Thị T (viết tắt là Quyết định số 3215/QĐ-UBND) nhưng không bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 1.259,3m² cho bà T nên bà đã khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P.

Ngày 09/10/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 5143/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại đã chấp nhận yêu cầu khiếu nại và thống nhất bồi thường, hỗ trợ quyền sử dụng đất diện tích 1.259,3m², hoa màu, vật kiến trúc cho bà T theo quy định của pháp luật (viết tắt là Quyết định số 5143/QĐ-UBND).

Ngày 01 tháng 12 năm 2021, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 6070/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu P tại phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (viết tắt là Quyết định số 6070/QĐ-UBND).

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 6489/QĐ-UBND về việc bổ sung bồi thường đất đai, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, bồi thường cây trồng, vật kiến trúc, chi phí di chuyển và hỗ trợ ổn định đời sống cho bà T (viết tắt là Quyết định số 6489/QĐ-UBND). Cụ thể như sau:

Bồi thường đất đai: 469.718.900đồng (1.259,3m² x 373.000 đồng);

Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 1.156.037.400 đồng;

Bồi thường cây trồng: 49.479.000 đồng;

Bồi thường vật kiến trúc: 268.995.400 đồng;

Hỗ trợ chi phí di chuyển: 7.000.000 đồng;

Hỗ trợ ổn định đời sống: 51.660.000 đồng. (4 nhân khẩu x 24 tháng x 538.125 đồng/tháng).

Bà T khởi kiện cho rằng: bà không đồng ý với đơn giá bồi thường quyền sử dụng đất vì quyết định bồi thường đã căn cứ vào Quyết định số 1210/QĐ-UBND ngày 29/5/2019 của UBND tỉnh K về giá đất cụ thể tính tiền bồi thường quyền sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Khu P tại thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang (viết tắt là Quyết định số 1210/QĐ-UBND) là chưa đúng quy định của pháp luật. Quyết định số 1210/QĐ-UBND được ban hành dựa trên Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh K về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (viết tắt là Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND) và Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh K về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh K (viết tắt là Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND), Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh K; nhưng các quyết định này đã hết hiệu lực pháp luật và được thay thế bằng Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh K về ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (viết tắt là Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND).

Và căn cứ khoản 2 Điều 74 Luật đất đai 2013 định: *“Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”*

Điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật đất đai 2013 định:

“4. Giá đất cụ thể được sử dụng để làm căn cứ trong các trường hợp sau đây:

đ) Tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.”

- Giá đất Nhà nước là giá đất do Nhà nước định ra theo các nguyên tắc tại khoản 1 Điều 112, khoản 3, Điều 114 Luật đất đai 2013 phương pháp định giá tại Điều 4 Nghị định 44/2014/NĐ-CP

“Giá đất cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Việc xác định giá đất cụ thể phải dựa trên cơ sở điều tra, thu thập thông tin về thửa đất, giá đất thị trường và thông tin về giá đất trong cơ sở dữ liệu đất đai; áp dụng phương pháp định giá đất phù hợp. Căn cứ kết quả tư vấn xác định giá đất, cơ quan quản lý đất đai cấp tỉnh trình Hội đồng thẩm định giá đất xem xét trước khi trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định”.

Đất của bà T bị thu hồi năm 2014 nhưng bồi thường không đúng đến năm 2021 mới ban hành quyết định bồi thường lại nhưng lại áp giá đất tại thời điểm phê duyệt phương án bổ sung lần thứ 14 (giá đất cụ thể năm 2019). Trong khi đó, Ủy ban nhân dân thành phố P phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho bà là phương án bổ sung lần thứ 15.

Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang giải quyết các vấn đề sau:

- Hủy một phần Quyết định số 6489/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc bổ sung bồi thường đất đai, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, bồi thường cây trồng, vật kiến trúc, chi phí di chuyển và hỗ trợ ổn định đời sống cho tôi (Bùi Thị T) với nội dung: bồi thường đất đai theo giá đất cụ thể tại thời điểm bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P phải ban hành Quyết định bổ sung mới thay thế quyết định số 6489/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc bổ sung bồi thường đất đai, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, bồi thường cây trồng, vật kiến trúc, chi phí di chuyển và hỗ trợ ổn định đời sống bị hủy theo hướng bồi thường đất đai theo giá đất cụ thể tại thời điểm bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà.

Người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố P có ý kiến tại văn bản số 1392 ngày 23/12/2022 như sau:

Nguồn gốc diện tích đất 1.259,3m² (nằm trong diện tích đất 1.538,5m²) hiện nay bà Bùi Thị T đang khiếu nại tại ấp F, thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang (nay là khu phố F, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang) thuộc dự án khu phức hợp du lịch sinh thái B.

Ngày 28/12/2012, Ủy ban nhân dân thành phố P đã căn cứ Quyết định số 1210/QĐ-UBND và phương án bổ sung được duyệt theo Quyết định số 6070/QĐ-UBND để ban hành Quyết định số 6489/QĐ-UBND, bồi thường và hỗ trợ cho bà Bùi Thị T với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ 2.002.890.700 đồng là đúng theo quy định của pháp luật nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 57/2023/HC-ST ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T.
2. Hủy một phần Quyết định số 6489/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc bổ sung bồi thường đất đai, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, bồi thường cây trồng, vật kiến trúc, chi phí di chuyển và hỗ trợ ổn định đời sống cho Bùi Thị T, cụ thể: hủy phần nội dung bồi thường về đất đai cho bà Bùi Thị T 469.781.900đ.
3. Buộc UBND thành phố P ban hành quyết định mới bổ sung bồi thường quyền sử dụng đất cho bà Bùi Thị T đối với diện tích bị thu hồi 1.259,3m², tại khu phố F, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang theo giá đất cụ thể tại thời điểm bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Bùi Thị T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Ủy ban nhân dân thành phố P có đơn kháng cáo đề ngày 06/6/2023 với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: người bị kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Đối với người khởi kiện, người bị kiện đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về giải quyết vụ án: Ủy ban nhân dân thành phố P căn cứ vào Quyết định số 1210/QĐ-UBND được ban hành trên cơ sở Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND và Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND nhưng cả 02 quyết định này đã hết hiệu lực pháp luật và được thay thế bằng Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND là không đúng pháp luật. Người bị kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P trong hạn luật định và hợp lệ theo Điều 206 luật tố tụng hành chính 2015 nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P đều có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của người bị kiện

[2.1] Để thực hiện Dự án khu phức hợp du lịch sinh thái B tại ấp F, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang, ngày 27/6/2014, Ủy ban nhân dân huyện P đã ban hành Quyết định số 3215/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất 1.259,3m² của bà Bùi Thị T nhưng xác định phần đất bị thu hồi không thuộc trường hợp được bồi thường, hỗ trợ nên bà T đã khiếu nại.

[2.2] Ngày 09/10/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 5143/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại và chấp nhận yêu cầu khiếu nại được bồi thường của bà T.

[2.3] Ngày 01 tháng 12 năm 2021, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 6070/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu P tại phường A, thành phố P và một trong các căn cứ để ban hành Quyết định số 6070/QĐ-UBND là Quyết định số 26/2020/UQĐ-UBND và Quyết định số 1210/QĐ-UBND.

[2.4] Ngày 28/12/2021, Ủy ban nhân dân thành phố P căn cứ Phương án bổ sung được phê duyệt bởi Quyết định số 6070/QĐ-UBND để bồi thường, hỗ trợ cho bà T 2.002.890.700 đồng. Trong đó, đơn giá được áp dụng để bồi thường giá trị quyền sử dụng đất theo khung giá quy định tại Điều 1 của Quyết định số 1210/QĐ-UBND đối với đất trồng cây lâu năm tại vị trí 2 tại khu vực thị trấn A có đơn giá 373.000đ/m². Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích của người bị kiện trình bày đơn giá này là đơn giá của phương án được phê duyệt theo Quyết định số 6070/QĐ-UBND.

[2.5] Bà T cho rằng đơn giá đất được áp dụng theo đơn giá quy định tại Quyết định số 1210/QĐ-UBND là không đúng vì các căn cứ để ban hành Quyết định số 1210/QĐ-UBND là Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND và Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND đã hết hiệu lực pháp luật, được thay thế bằng Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND nhưng Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND cũng đã được áp dụng khi ban hành phương án bồi thường, hỗ trợ của Dự án theo Quyết định số 6070/QĐ-UBND nêu trên.

[2.6] Căn cứ khoản 2 Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất có nội dung:

“2. Trường hợp thực hiện bồi thường chậm được quy định như sau:

a) Bồi thường chậm do cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường gây ra mà giá đất tại thời điểm bồi thường do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố cao hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm trả tiền bồi thường; nếu giá đất tại thời điểm bồi thường thấp hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi;”

[2.7] Căn cứ vào Phụ lục số 12 của Quyết định số 03/QĐ-UBND ban hành kèm theo Quyết định số 26/QĐ-UBND về bảng giá đất giai đoạn 2020- 2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang thì giá đất trồng cây lâu năm tại thị trấn An Thới vị trí 2 là 204.000đ/m² - thấp hơn giá đất quy định tại Quyết định số 1210/QĐ-UBND mà Ủy ban nhân dân thành phố P áp dụng để bồi thường cho bà T nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bà T.

[2.8] Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy một phần Quyết định số 6489/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P đối với nội dung bồi thường về đất đai cho bà Bùi Thị T số tiền 469.781.900đ là không phù

hợp với các quy định của pháp luật như đã nêu trên; kháng cáo của người bị kiện là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa là không phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí hành chính sơ thẩm: do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên người khởi kiện bà Bùi Thị T phải chịu án phí theo quy định.

[4.2] Án phí hành chính phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P; sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 57/2023/HC-ST ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng Luật đất đai năm 2013; Nghị định 197/2004/NĐ-CP của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T về việc:

- Hủy một phần Quyết định số 6489/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc bổ sung bồi thường đất đai, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, bồi thường cây trồng, vật kiến trúc, chi phí di chuyển và hỗ trợ ổn định đời sống cho tôi (Bùi Thị T) với nội dung: bồi thường đất đai theo giá đất cụ thể tại thời điểm bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P phải ban hành Quyết định bổ sung mới thay thế quyết định số 6489/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc bổ sung bồi thường đất đai, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, bồi thường cây trồng, vật kiến trúc, chi phí di chuyển và hỗ trợ ổn định đời sống bị hủy theo hướng bồi thường đất đai theo giá đất cụ thể tại thời điểm bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà.

2. Về án phí

2.1 Án phí hành chính sơ thẩm: bà Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002011 ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

2.2 Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố P không phải chịu; hoàn lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001388 ngày 21/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Tuấn Vinh

Nguyễn Văn Khương

Nguyễn Thị Cúc